

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Việt Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu
2. Ông Hồ Khắc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Chu Đức Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ N, sinh năm 1976 tại Bình Thuận.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu phố 13, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Đặng Thị Kim A; có vợ là bà Nguyễn Thị B và 02 người con sinh năm 2001 và 2008. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Bình Thuận.

- Người làm chứng: Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1984; Ông Đỗ Văn I, sinh năm 1991; Bà Nguyễn Thị J, sinh năm 1946 và bà Đỗ Thị K, sinh năm 1976 (người làm chứng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 09/5/2018, cho rằng bà Đỗ Thị Y (sinh năm 1984, trú tại khu phố 11, phường P, thành phố Phan Thiết) đã nói xấu mình với ông Đỗ Văn T (tên thường gọi là K, sinh năm 1946, trú tại khu phố D, phường L, thành phố Phan Thiết) nên sau khi nhậu xong Đỗ N đến trước nhà lên tiếng chửi bà Y. Tại nhà bà Y lúc này có bà Nguyễn Thị J (mẹ ruột bà Y), bà Đỗ Thị G, bà Đỗ Thị Nhân và ông Đỗ Văn I là chị em ruột với bà Y.

Để xác minh lời của N cho rằng bà Y đã nói xấu N với ông T, ông Đỗ Văn I điều khiển xe đi xuống nhà ông Đỗ Văn T để hỏi cho rõ mọi chuyện. Thấy ông I đi xuống nhà ông T thì N cũng đi xuống theo. Lúc này, ông Nguyễn Thành C (sinh năm 1982, trú tại thôn D, xã E, huyện F, tỉnh Bình Thuận, là chồng bà G) vừa đi tới. Do sợ N sẽ đánh ông I nên bà G và ông C chạy xe đuổi theo xuống nhà ông T. Gặp ông T, ông I hỏi: “*Có phải Y nói xấu N với ông không*”? thì ông T trả lời: “*Không*”. Lúc này, ông C vừa dựng xe xuống sân thì bị N đuổi đánh, ông C bỏ chạy. Sau đó, ông I, bà G, ông C lớn tiếng chửi N được một lúc thì ông I, bà G, ông C, N đi về lại nhà (tại khu phố 11, phường P, thành phố Phan Thiết). N về cất xe rồi tiếp tục qua nhà bà Y lớn tiếng chửi mọi người. Trong lúc hai bên đang cãi nhau qua lại thì N chạy về nhà lấy 01 cây sào sắt (đầu có câu liêm, có thể kéo dài và thu ngắn) đi đến đánh 01 cái trúng lưng bà G. Thấy bà G bị đánh, ông C chạy lại để can ngăn thì bị N cầm cây sào sắt bằng tay phải đánh hướng từ trên xuống, đầu cây sào sắt đánh trúng vào đầu ông C. Lúc này, thấy mọi người chạy lại thì N cầm cây sào sắt bỏ chạy được một đoạn thì bị vấp té làm cây sào sắt rơi làm 02 đoạn (01 đoạn có chiều dài 0,96 m, 01 đoạn có chiều dài 1,36 m). Sau đó, Công an phường P, thành phố Phan Thiết có mặt đưa N và những người có liên quan về trụ sở làm việc. Ông C, bà G được ông I chở đi điều trị vết thương tại Bệnh viện An Phước.

Ngày 22/5/2018, bà Đỗ Thị G và ông Nguyễn Thành C làm đơn xin giám định thương tích và yêu cầu xử lý hình sự đối với Đỗ N.

Tại bản kết luận định giám định pháp y về thương tích số 428/2018/TgT ngày 05/6/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Thuận kết luận về thương tích của bà Đỗ Thị G như sau: Chấn thương phần mềm vùng lưng đã được điều trị hiện không còn dấu vết nên không xác định được tỷ lệ tổn thương cơ thể; Chấn thương phần mềm vùng lưng đã được điều trị hiện không còn dấu vết nên không xác định được vật gây thương.

Tại bản kết luận định giám định pháp y về thương tích số 429/2018/TgT ngày 05/6/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Thuận kết luận về thương tích của ông

Nguyễn Thành C như sau: Vết sẹo phần mềm vùng trán đỉnh trái, sẹo liền tốt, kích thước: 4 x 0,1 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 3% (Ba phần trăm).

Sau khi sự việc xảy ra Đỗ N đã giao nộp lại 02 đoạn sắt (01 đoạn dài 0,96m; 01 đoạn dài 1,36m) để phục vụ cho quá trình điều tra vụ án.

Về phần dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bà Đỗ Thị G và ông Nguyễn Thành C có đơn yêu cầu Đỗ N bồi thường tổng số tiền là 6.600.000 đồng (tiền viện phí là 3.000.000 đồng và tiền tổn thất thu nhập do không đi làm được 06 ngày công là 3.600.000 đồng). N đồng ý bồi thường số tiền trên và hiện tại đã bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà G và ông C từ chối không nhận nên số tiền này đã được chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Thuận theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 06/9/2018.

Bị cáo Đỗ N đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận truy tố tại bản cáo trạng số 88/CT-VKSPT ngày 05 tháng 9 năm 2018, về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu quan điểm xử lý và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Đỗ N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì, thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Thiết, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về căn cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn với bà Đỗ Thị Y nên vào khoảng 18 giờ ngày 09/5/2018 sau khi nhậu xong N đi qua nhà bà Y đứng ở trước nhà lên tiếng chửi bà Y. Lúc này có bà Đỗ Thị G và ông Nguyễn Thành C cũng có mặt tại đây. Trong lúc hai bên to tiếng với nhau thì N hạy về nhà lấy 01 cây sào sắt đi đến gần bà G đánh 01 cái trúng lưng bà G. Thấy bà G bị đánh, ông C chạy lại để can ngăn thì bị N cầm sào sắt bằng tay phải đánh hướng từ trên xuống, đầu cây sào sắt đánh trúng vào đầu ông C gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%. Đối với vết thương ở lưng mà bà G bị N đánh qua giám định thì không để lại thương tích.

Đỗ N dùng hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho ông Nguyễn Thành C với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 03%. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấy rằng: Bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật, thế nhưng chỉ vì mâu thuẫn J bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác với tỉ lệ 03%. Hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5] Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt và chưa có tiền án, tiền sự.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy rằng: có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Cho nên, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo hưởng án treo và giao bị cáo cho UBND nơi thường trú giám sát, giáo dục là phù hợp.

[7] Về vật chứng vụ án là 02 đoạn sắt (01 đoạn dài 0,96m; 01 đoạn dài 1,36m). Đây là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, lẽ ra cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, chi phí cho việc định giá, bán để sung công quỹ Nhà nước sẽ lớn hơn giá trị của tài sản. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Thành C yêu cầu Đỗ N phải bồi thường chi phí điều trị thương tích 1.700.000 đồng và tiền tổn thất thu nhập do không đi làm được 2.100.000 đồng (06 ngày x 350.000 đồng/ngày). Bà Đỗ Thị G yêu cầu Đỗ N phải bồi thường chi phí điều trị thương tích 1.300.000 đồng và tiền tổn thất thu nhập do không đi làm được 1.500.000 đồng (06 ngày x 250.000 đồng/ngày). Đây là những chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất và bị cáo cũng đồng ý bồi thường nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Đỗ N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Đỗ N 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ N cho UBND phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 01 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 02 đoạn sắt (01 đoạn dài 0,96m; 01 đoạn dài 1,36m) theo Biên bản giao nhận vật chứng số 86 ngày 06 tháng 9 năm 2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đỗ N phải bồi thường cho ông Nguyễn Thành C số tiền 3.800.000 đồng, bồi thường cho bà Đỗ Thị G số tiền 2.800.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo N nộp theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 06/9/2018 để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày ông Nguyễn Thành C và bà Đỗ Thị G có đơn yêu cầu thi hành nếu bị cáo chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian

chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 330.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2018).

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

Nơi nhận:

- VKSND tp Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an tp. Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án tp. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Việt Minh